

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra việc thực hiện chính sách về quy hoạch và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước; tham gia ý kiến về các quy hoạch tái định cư phù hợp với chính sách của Nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường.

8. Tổng công ty Điện lực Việt Nam:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu trong việc xây dựng dự án quy hoạch tổng thể và kế hoạch bồi thường, di dân tái định cư.

- Đảm bảo kinh phí đầy đủ, kịp thời cho công tác bồi thường, di dân tái định cư.

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu về tiến độ xây dựng dự án thủy điện Sơn La.

Điều 33. Trách nhiệm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bồi thường, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này.

- Cùng với các tổ chức, chính quyền sở tại tham gia giám sát việc thực hiện công tác bồi thường, di dân tái định cư.

Điều 34. Bổ sung, sửa đổi Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, có những nội dung cần bổ sung, sửa đổi Ủy ban nhân dân các tỉnh:

Sơn La, Điện Biên, Lai Châu đề xuất, giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phan Văn Khải

CÁC BỘ**BỘ TÀI CHÍNH**

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 45/2004/QĐ-BTC ngày 06/5/2004 về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng clanhke.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Biểu thuế theo Danh mục nhóm

hàng chịu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 399/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 19/6/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI về việc sửa đổi, bổ sung Biểu thuế theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Thông báo số 81/TB-VPCP

ngày 16/4/2004 của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của mặt hàng clanhke thuộc nhóm 2523 quy định tại Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

| Mã hàng | | | Mô tả hàng hóa | Thuế suất (%) |
|-------------|----|----|--|---------------|
| 2523 | | | Xi măng Portland, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp), xi măng super sulfat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke | |
| 2523 | 10 | | - Clanhke xi măng: | |
| 2523 | 10 | 10 | - - Để sản xuất xi măng trắng | 25 |
| 2523 | 10 | 90 | - - Loại khác | 25 |
| | | | - Xi măng Portland: | |
| 2523 | 21 | 00 | - - Xi măng trắng, đã hoặc chưa pha màu nhân tạo | 40 |
| 2523 | 29 | | - - Loại khác: | |
| 2523 | 29 | 10 | - - - Xi măng màu | 40 |
| 2523 | 29 | 90 | - - - Loại khác | 40 |
| 2523 | 30 | 00 | - Xi măng nhôm | 40 |
| 2523 | 90 | 00 | - Xi măng chịu nước khác | 40 |

096 38944

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng cho các Tờ khai hàng hóa nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2004./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thứ trưởng

Trương Chí Trung

THÔNG TƯ số 39/2004/TT-BTC
ngày 11/5/2004 hướng dẫn trình
tự, thủ tục và xử lý tài chính
đối với hoạt động mua, bán,
bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ
và tài sản tồn đọng của doanh
nh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 69/2002/NĐ-CP
ngày 12/7/2002 của Chính phủ về quản
lý và xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp
nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 109/2003/
QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng
Chính phủ về việc thành lập Công ty
mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP
ngày 01/7/2003 của Chính phủ về quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ

tục và xử lý tài chính đối với hoạt động
mua, bán, bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ
và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp
như sau,

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với các hoạt động: mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo nguyên tắc thỏa thuận; mua, bán, xử lý nợ và tài sản tồn đọng theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ; bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Công ty mua, bán nợ);

2.2. Các doanh nghiệp, tổ chức có nợ phải thu, tài sản tồn đọng bán cho Công ty mua, bán nợ (chủ nợ, chủ tài sản);

2.3. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mua nợ và tài sản tồn đọng của Công ty mua, bán nợ;